



CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Thủy điện Quế Phong

Ngày 30/09/2025	54,000 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	81.4%	99.4%	142.2

DT thuần Q3/25
34.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.30 3.9%
YoY: ▲ 3.70 11.9%

LN thuần Q3/25
26.0
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.30 14.7%

LN sau thuế Q3/25
20.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 0.20 1.1%
YoY: ▲ 1.50 8.0%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
76.1%
YoY: +/- ▼ 4.4%

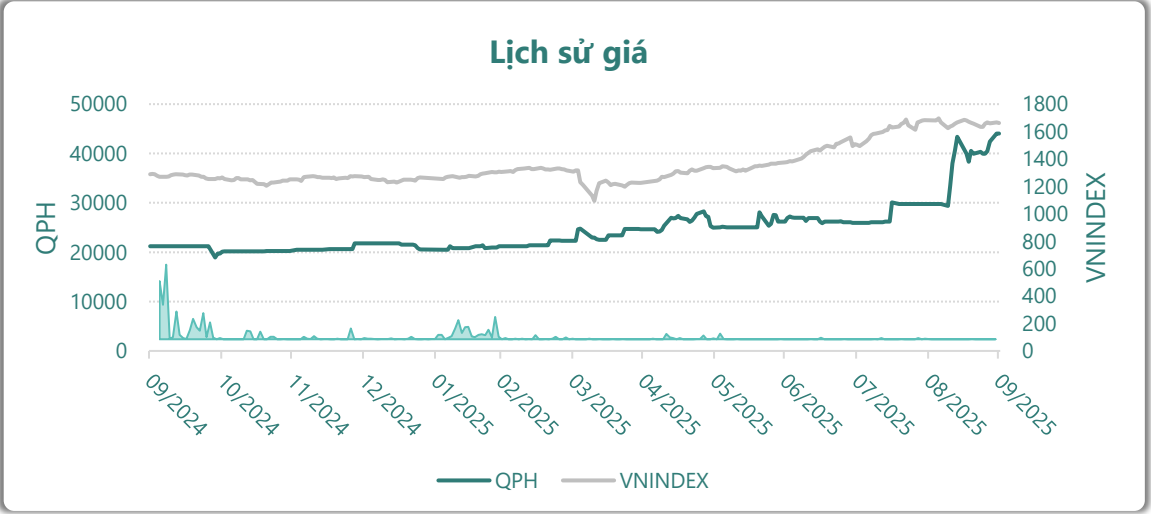
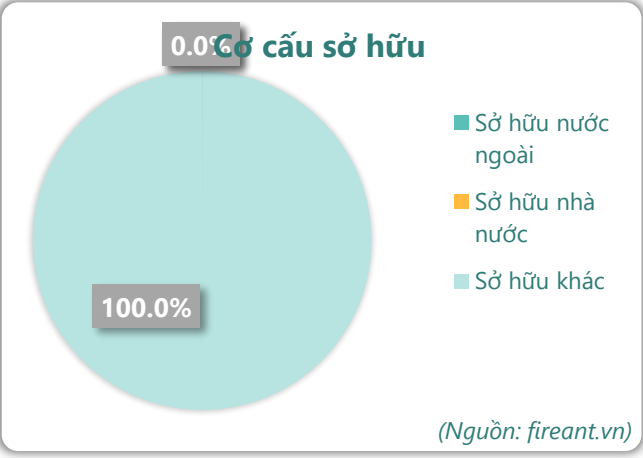
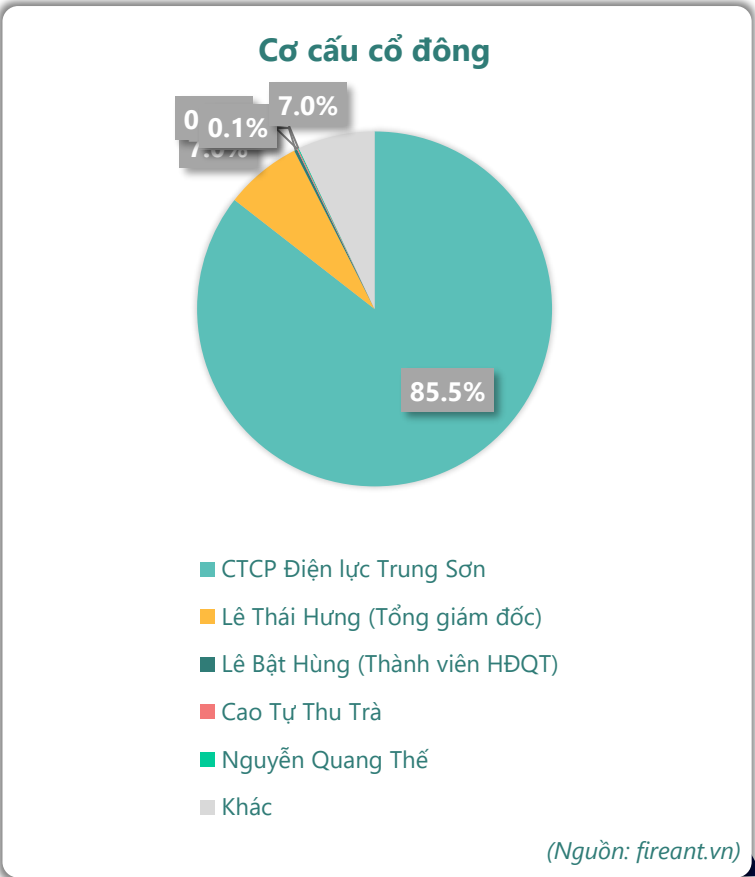
ROE (TTM) Q3/25
17.0%
YoY: +/- ▲ 0.2%

Sàn giao dịch	UPCOM
Khoảng giá 52 tuần	18,933 - 44,037
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,003
Số lượng CPLH (CP)	18,583,100
KLGD BQ 20 phiên (CP)	12,685
Sở hữu nước ngoài	0.0%
Beta	0.05
EPS	4,164
P/E	13.0

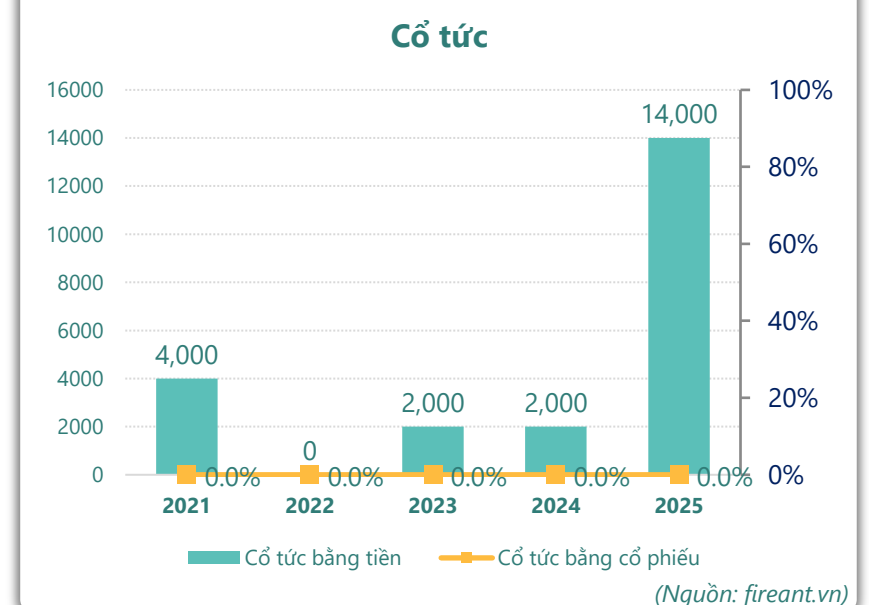
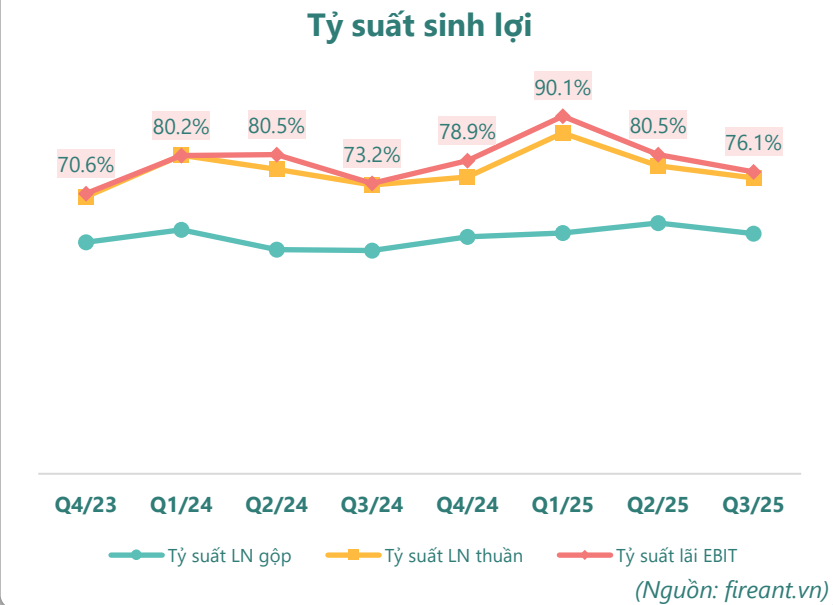
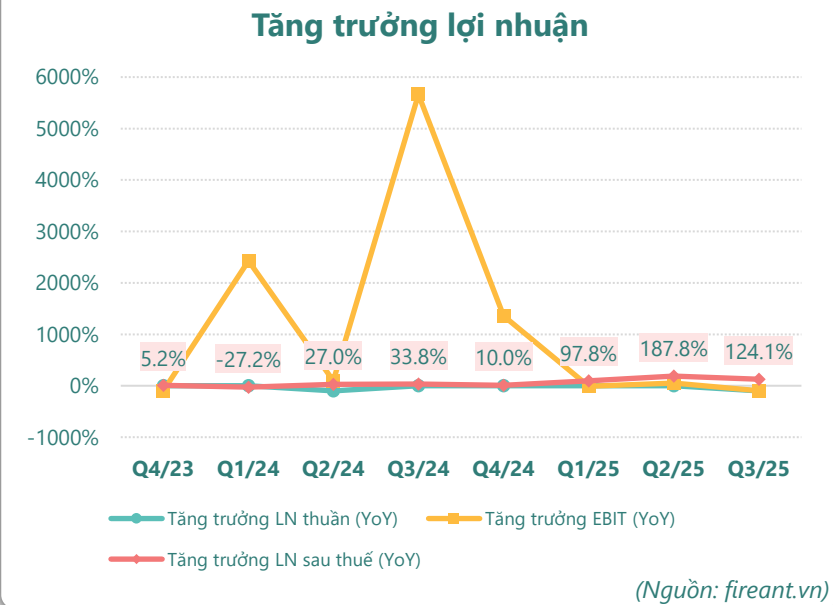
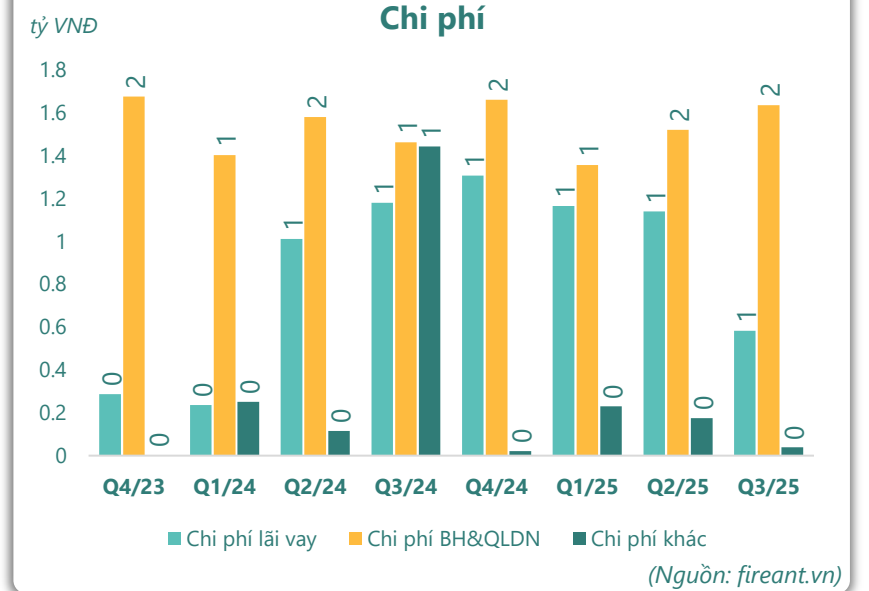
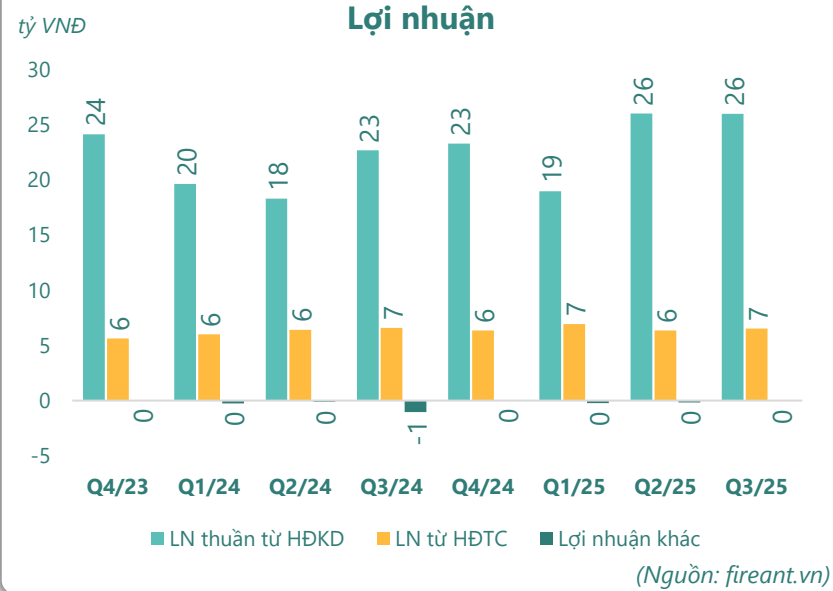
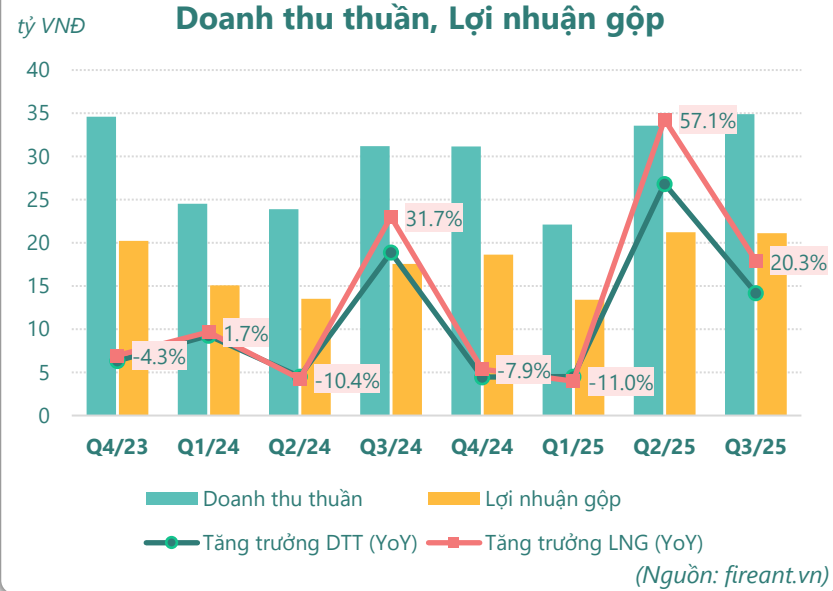
DT thuần 9T 2025
90.6
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 11.0 13.8%

LN thuần 9T 2025
71.1
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 10.4 17.1%

LN sau thuế 9T 2025
56.4
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 3.20 5.9%



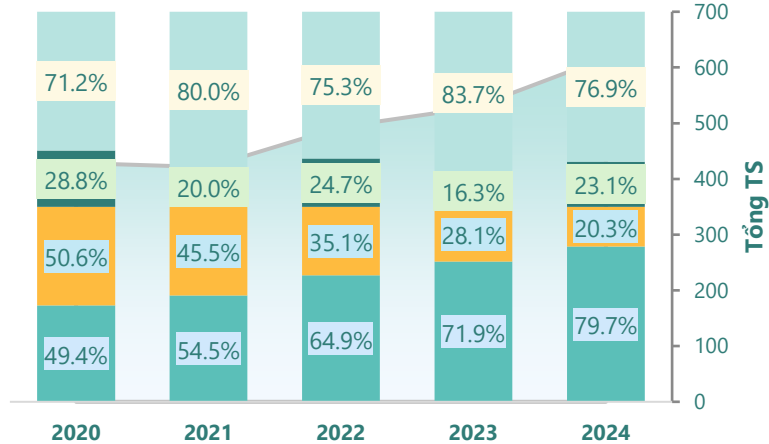
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

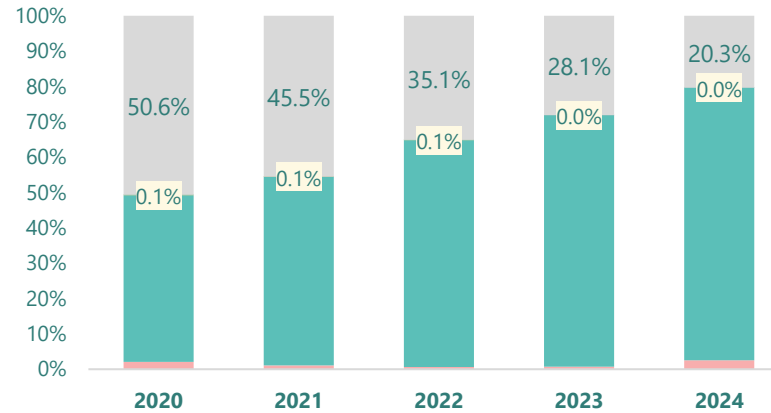
tỷ VNĐ



■ Tổng tài sản ■ TS ngắn hạn ■ TS dài hạn ■ Nợ phải trả ■ Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

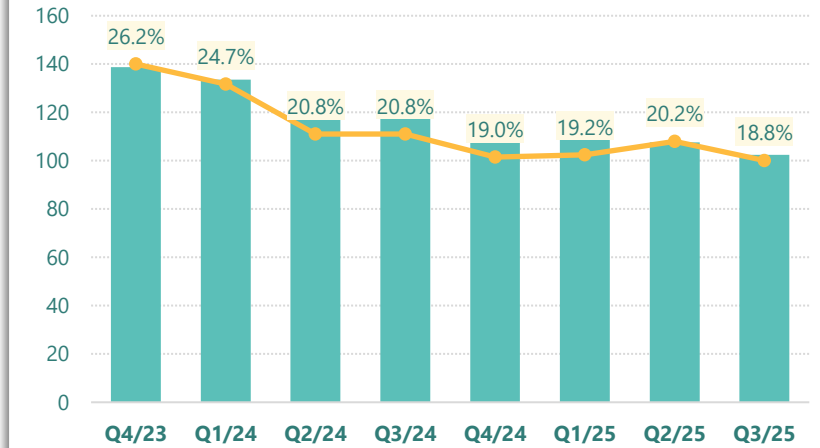


■ Tiền và TĐ tiền ■ Đầu tư TC ngắn hạn ■ Phải thu ngắn hạn
■ Hàng tồn kho ■ TSNH khác ■ TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

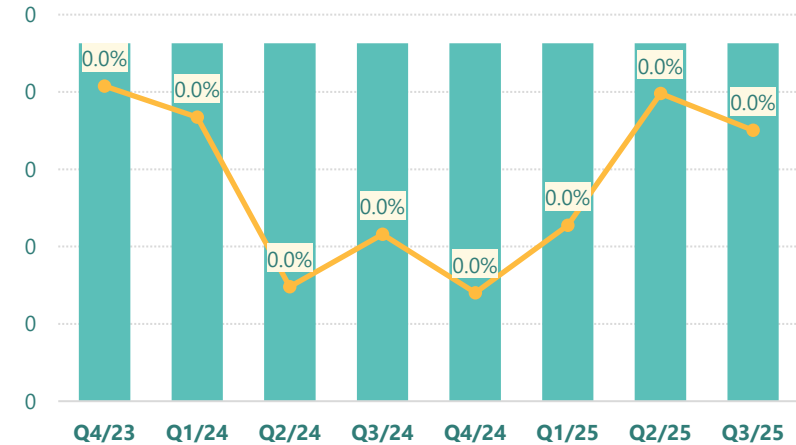


■ Tài sản cố định — TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

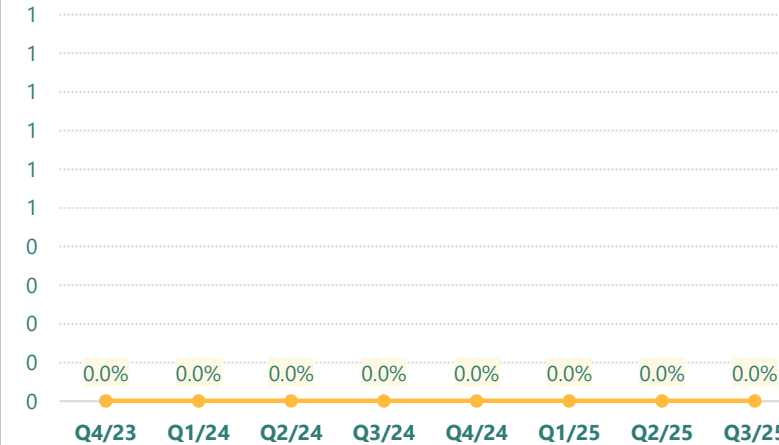


■ Tài sản dở dang — TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

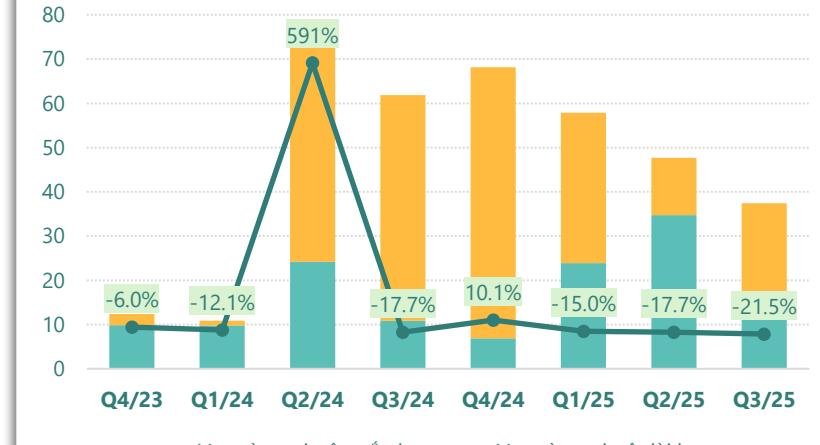


■ Đầu tư tài chính dài hạn — ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



■ Vay và nợ thuê ngắn hạn ■ Vay và nợ thuê dài hạn

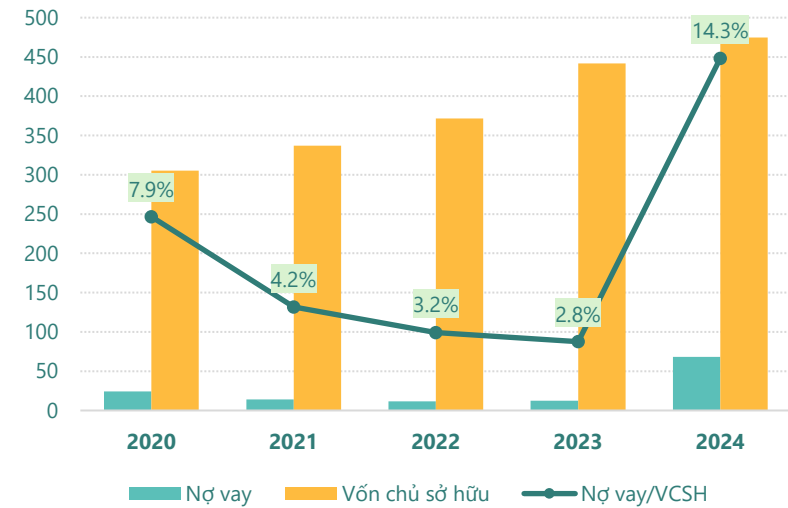
— Tăng trưởng nợ vay

(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

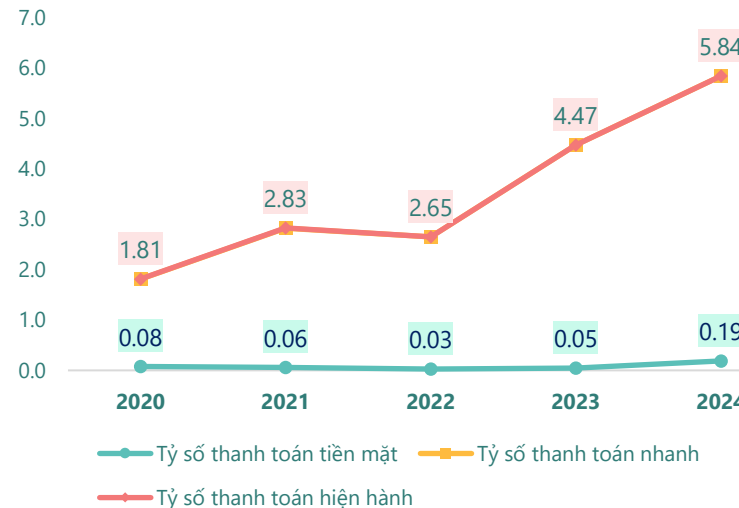
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



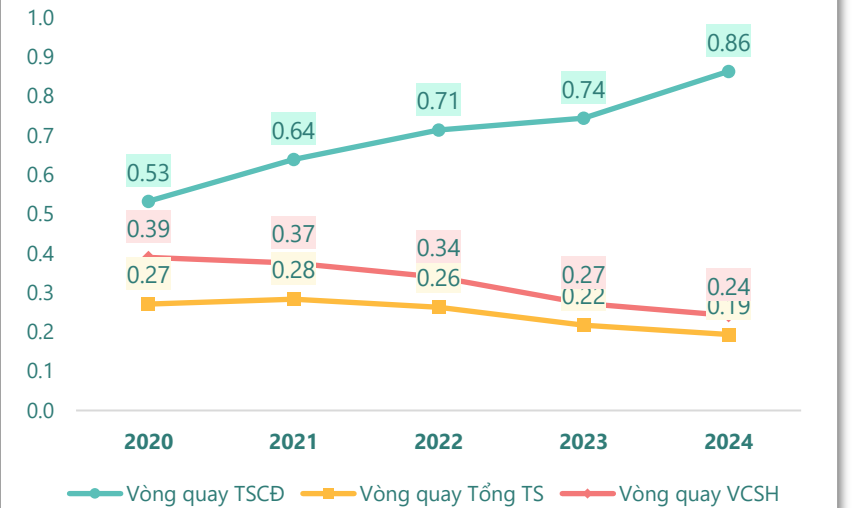
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



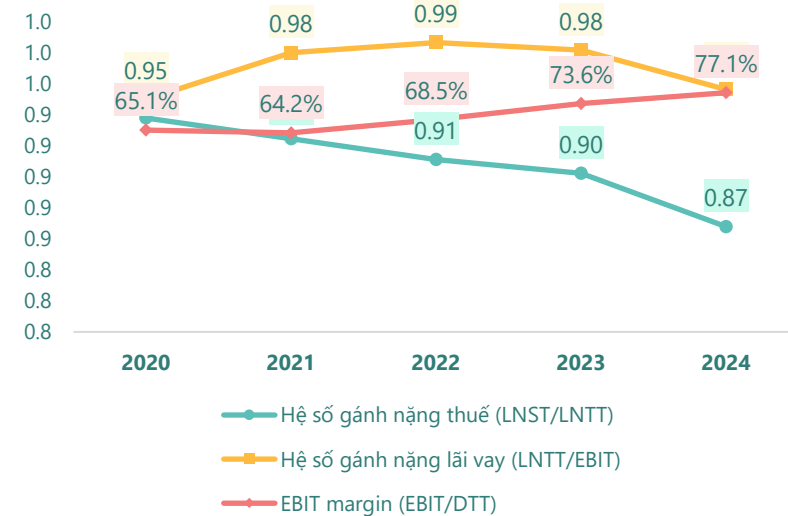
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



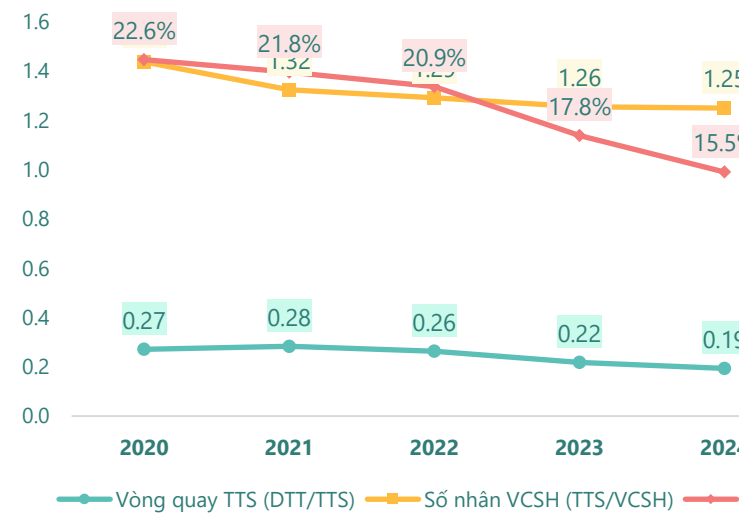
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



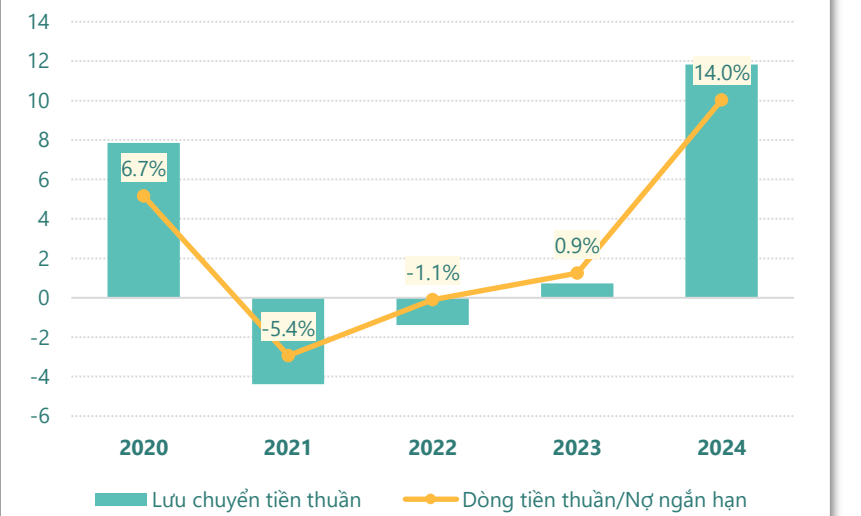
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Đồng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)



KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	34.9	31.2	11.9%	90.6	79.6	13.8%
Giá vốn hàng bán	13.8	13.6	1.3%	34.8	33.5	4.0%
Lợi nhuận gộp	21.1	17.6	20.1%	55.8	46.1	20.9%
Doanh thu HĐTC	7.49	7.79	-3.9%	23.1	21.5	7.6%
Chi phí TC	0.95	1.18	-19.7%	3.25	2.43	34.0%
Chi phí lãi vay	0.58	1.18	-50.6%	2.89	2.43	19.0%
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0	
Chi phí bán hàng	0	0.00		0	0	
Chi phí QLDN	1.64	1.46	12.0%	4.51	4.45	1.5%
LN thuần từ HĐKD	26.0	22.7	14.7%	71.1	60.7	17.1%
Lợi nhuận khác	-0.04	-1.06	96.4%	-0.44	-1.42	68.8%
LN trước thuế	26.0	21.6	20.4%	70.6	59.3	19.1%
Lợi nhuận sau thuế	20.8	19.3	8.0%	56.4	53.2	5.9%
LNST của CĐ cty mẹ	20.8	19.3	8.0%	56.4	53.2	5.9%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	8.88	20.1	22.4	-22.0	18.2	29.3
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-76.9	31.1	-12.5	20.0	77.0	-16.7
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	64.1	-50.3	2.44	-10.2	-82.0	-12.8
Tiền đầu kỳ	6.70	2.69	3.65	15.8	3.57	16.7
Lưu chuyển tiền thuần	-4.02	0.97	12.3	-12.2	13.2	-0.18
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2.69	3.65	16.0	3.57	16.7	16.6

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	546	617	-11.6%
Tài sản ngắn hạn	437	492	-11.2%
Tiền và tương đương tiền	16.6	15.8	4.8%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	420	476	-11.8%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0.01	0.01	-31.8%
Tài sản dài hạn	109	126	-13.0%
Phải thu dài hạn	0.08	0.08	0.0%
Tài sản cố định	102	118	-13.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	0.23	0.23	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	6.54	7.49	-12.7%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	93.1	143	-34.7%
Nợ ngắn hạn	71.2	84.2	-15.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	15.5	9.66	60.8%
Phải trả người bán ngắn hạn	11.0	36.2	-69.5%
Nợ dài hạn	21.9	58.5	-62.6%
Vay và nợ thuê dài hạn	21.9	58.5	-62.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	453	475	-4.6%
Vốn chủ sở hữu	453	475	-4.6%
Vốn điều lệ	186	186	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

